

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22810501] - Năng lượng tái tạo
(CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15
Số tờ giấy thi: 15

(Chữ ký và đóng dấu của các cán bộ coi thi và giáo viên chấm thi)
Đào Thành Sung Đào Thành Sung

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180122	Bùi Hữu	Bình	29/04/2000	CCQ2218C					
2	2122060031	Lê Vinh	Bình	06/09/2004	CCQ2206A		Bình	6,8	7,0	6,9
3	2122060018	Võ An	Bình	08/07/2004	CCQ2206A					
4	2122060022	Ngô Hoàng	Chiến	23/05/2004	CCQ2206A		Chiến	8,0	9,0	8,6
5	2122180116	Trần Đức	Dũng	09/09/2003	CCQ2218D					
6	2122060014	Cao Hoàng	Hải	29/07/2004	CCQ2206A		Hải	8,0	9,0	8,6
7	2122060030	Nguyễn Công	Hậu	14/01/2003	CCQ2206A		Chau	6,5	6,5	6,5
8	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A		Hiếu	3,5	7,5	5,9
9	2122060072	Nguyễn Cảnh	Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A		Phan	7,0	7,0	7,0
10	2122060007	Nguyễn Xuân	Hới	11/02/2000	CCQ2206A		Hoi	6,5	6,5	6,5
11	2122060057	Nguyễn Nhất	Huy	06/03/2004	CCQ2206B		Hu	3,0	4,0	3,6
12	2122060004	Trần Việt	Huyền	03/07/2004	CCQ2206A		Viet	8,5	9,5	9,1
13	2122060021	Nguyễn Minh	Khoa	28/05/2004	CCQ2206A					
14	2122060026	Trần Văn	Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A		Van	7,5	8,0	7,8
15	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	CCQ2206A					
16	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	CCQ2206A		Ngoc	6,8	7,5	7,2
17	2122060016	Văn Tấn	Lộc	21/08/2004	CCQ2206A		Tan	6,5	7,0	6,8
18	2121060006	Hứa Thành	Long	30/05/2000	CCQ2106A					
19	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	CCQ2206A					
20	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B		Phu	3,5	7,5	5,9
21	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A		Phuoc	6,5	7,0	6,8
22	2122060001	Lê Vinh	Quảng	20/01/2000	CCQ2206A		Quang	6,3	7,0	6,7
23	2121060025	Phạm Đỗ Quốc	Tân	31/10/2003	CCQ2106A					
24	2122060042	Trần Văn	Thanh	15/08/2004	CCQ2206B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804901] - Thí nghiệm điện từ
công suất (CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060031	Lê Vinh	Bình	06/09/2004	CCQ2206A		Bình	5,3	6,8	6,2
2	2122060018	Võ An	Bình	08/07/2004	CCQ2206A					
3	2122060022	Ngô Hoàng	Chiến	23/05/2004	CCQ2206A		Chiến	8,0	8,5	8,3
4	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A					
5	2122060014	Cao Hoàng	Hải	29/07/2004	CCQ2206A		Hoàng	8,2	8,5	8,4
6	2122060030	Nguyễn Công	Hậu	14/01/2003	CCQ2206A		Chấn	4,8	6,0	5,5
7	2121060035	Đặng Thanh	Hiếu	17/08/2003	CCQ2106A		Hàn	7,3	8,0	7,7
8	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A		Hiếu	3,3	3,3	3,3
9	2122060072	Nguyễn Cảnh	Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A		Thương	6,2	6,8	6,5
10	2122060007	Nguyễn Xuân	Hới	11/02/2000	CCQ2206A		Hải	5,7	5,3	5,4
11	2122060004	Trần Việt	Huyền	03/07/2004	CCQ2206A		Thương	8,5	9,3	9,0
12	2122060021	Nguyễn Minh	Khoa	28/05/2004	CCQ2206A					
13	2122060026	Trần Văn	Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A		Vănlier	7,2	7,3	7,2
14	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	CCQ2206A					
15	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	CCQ2206A		Ngọc	5,0	7,3	6,4
16	2122060016	Văn Tấn	Lộc	21/08/2004	CCQ2206A		Lộc	5,5	7,3	6,6
17	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	CCQ2206B		Nguyên	3,3	3,3	3,3
18	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	CCQ2206A					
19	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B		Phu	3,8	7,0	5,7
20	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A		Phu	5,2	6,3	5,8
21	2122060001	Lê Vinh	Quảng	20/01/2000	CCQ2206A		Quảng	5,7	6,5	6,2
22	2122060002	Nguyễn Gia	Quyết	26/01/1999	CCQ2206A		Quyết	6,2	8,3	7,4
23	2122060025	Bùi Thành	Tài	02/06/2003	CCQ2206A		Tài	8,5	9,5	9,1
24	2121060025	Phạm Đỗ Quốc	Tân	31/10/2003	CCQ2106A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22804902] - Thí nghiệm điện tử
công suất (CCQ2206AB)

CBGD: Đào Thành Sung (280015)

Số SV có mặt: 14..

Số bài thi: 14..

Số tờ giấy thi: 14..

Đào Thành Sung *Đào Thành Sung*
Đặng Văn Tuấn *Đặng Văn Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060027	Lê Minh	Tánh	24/07/2004	CCQ2206A	<i>Tánh</i>	8,2	8,3	8,3
2	2122140019	Nguyễn Công	Tây	21/05/2003	CCQ2206A				
3	2122060042	Trần Văn	Thạnh	15/08/2004	CCQ2206B				
4	2122060078	Mã Thanh	Thịnh	19/12/2004	CCQ2206B				
5	2122060008	Nguyễn Tấn	Thuận	09/10/2004	CCQ2206A				
6	2122050084	Võ Văn Minh	Thuận	29/06/2004	CCQ2205C				
7	2122060060	Lương Thanh	Tiên	04/08/2004	CCQ2206B	<i>Tiên</i>	8,0	8,3	8,2
8	2122060053	Trần Quốc	Toàn	10/05/2004	CCQ2206B	<i>Toàn</i>	5,3	6,0	5,7
9	2122060082	Trần Thị Ngọc	Trâm	28/02/2004	CCQ2206A	<i>Trâm</i>	8,0	7,5	7,7
10	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc	Trí	10/01/2004	CCQ2206B				
11	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A				
12	2122170099	Nguyễn Hồng	Trung	01/12/2004	CCQ2206B	<i>Trung</i>	7,8	7,8	7,8
13	2122060034	Trần Minh	Trung	05/06/2002	CCQ2206A	<i>Trung</i>	5,5	6,0	5,8
14	2122060056	Nguyễn Đình	Trường	10/08/2004	CCQ2206B	<i>Trường</i>	6,7	7,2	7,0
15	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam	Trường	02/11/2004	CCQ2206B	<i>Trường</i>	2,3	6,5	4,8
16	2122060035	Nguyễn Huy	Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A	<i>Tuấn</i>	3,5	4,8	4,3
17	2122060011	Nguyễn Thanh	Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A	<i>Tuấn</i>	7,8	8,2	8,0
18	2121060024	Nguyễn Việt	Tuấn	12/10/2003	CCQ2106A	<i>Tuấn</i>	7,2	7,5	7,4
19	2122060012	Võ Thị Thu	Uyên	29/09/2004	CCQ2206A	<i>Uyên</i>	8,7	9,0	8,9
20	2122060055	Long Quốc	Viên	17/06/2003	CCQ2206B	<i>Viên</i>	8,5	8,8	8,7
21	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A				
22	2122060083	Lê Nhựt	Vinh	20/10/2003	CCQ2206B				
23	2122060075	Nguyễn Trần Hoàn	Vũ	17/11/2003	CCQ2206A	<i>Vũ</i>	8,7	9,2	9,0
24	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A				